

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HS-ST

Ngày: 14/6/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023 đối với:

*** Bị cáo:** **Trần Vũ Trường G**, sinh ngày 20/8/1986 tại Tiền Giang; Trú tại: khu phố 1, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B, sinh năm 1953 và bà Lê Thị L1, sinh năm 1960; bị cáo có vợ là chị Lê Thị Bích T1, sinh năm 1990 (đã ly hôn); bị cáo có 01 người con sinh năm 2014; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/5/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị **Huỳnh Thị Hằng N1**, sinh ngày 01/01/1990 (vắng mặt).

Trú tại: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đặng Thị D1**, sinh ngày 01/01/1968 (vắng mặt).

Trú tại: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị **Lê Thị L2**, sinh năm 1976 (có mặt).

Trú tại: khu phố 1, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh **Trần Văn L3**, sinh năm 1974 (có mặt).

Trú tại: khu phố 1, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Chị **Huỳnh Thị N2**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Trú tại: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông **Đào Văn D2**, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh **Trần Văn L4**, sinh ngày 01/01/1991 (vắng mặt).

Trú tại: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Trần Vũ Trường G nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/5/2023, G một mình điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 036.83 từ nhà tại khu phố 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang lưu thông trên đường tỉnh lộ 867 đến quán cơm Tường Vy tại ấp Mỹ Thuận, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang do chị Huỳnh Thị Hằng N1 làm chủ để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, vì trước đó G từng ghé quán này và thấy chị N1 thường hay để tiền trong hộc tủ bán cơm.

Khi điều khiển xe còn cách quán cơm 100 mét thì G đỗ xe lại và đi bộ đến quán cơm. Lúc này, G nhìn thấy chị N1 đang ngồi gọt mía, mặt quay vào trong nhà, đồng thời quan sát xung quanh quán không có người nên Giang lén lút đến tủ cơm kéo ngăn tủ ra lấy trộm 01 túi vải màu đỏ bên trong có số tiền 2.425.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu HUAWIE và 01 ví da màu đen rồi Giang cầm túi vải trên đi thẳng về hướng cầu Tràm Mù với mục đích là băng qua đường để quay về chỗ đỗ xe.

Ngay lúc này, khi chị N1 đang ngồi gọt mía thì nghe tiếng chó sủa nên quay sang thì nhìn thấy Giang vừa rời quán. Đồng thời, có chị Huỳnh Thị N2 đang điều khiển xe chạy ngang qua quán cơm Tường Vy thì nhìn thấy G từ trong quán cơm đi ra, trên tay cầm tài sản và lặn giấu trước bụng, nghi ngờ G trộm cắp tài sản nên chị N2 quay lại gặp chị N1. Chị N2 liền hô to “Cái giỏ chị

đâu”, chị N1 liền chạy lại tử cớm kiểm tra thì phát hiện mất tài sản nên truy hô và rượt đuổi theo G.

Lúc này, có anh Trần Văn L4 và ông Đào Văn D2 vừa vào quán nghe tiếng truy hô nên cùng rượt đuổi theo G. Khi chạy được một đoạn về hướng cầu Tràm Mù thì G quay lại chạy về hướng đỗ xe, vừa chạy G vừa lấy tiền cất vào trong túi quần và vứt bỏ túi vải xuống đường. Sau đó, G bị mọi người không chế và báo Công an xã Thạnh Mỹ đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 467/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tân Phước xác định giá trị còn lại của điện thoại di động, túi vải màu đỏ và ví da màu đen trên là 1.737.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà G đã chiếm đoạt là 4.162.000 đồng.

Thu giữ vật chứng trong vụ án:

- Tiền Việt Nam: 2.425.000 đồng (hai triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu HUAWIE Nova 3i, loại màn hình cảm ứng, mặt lưng kính màu đen có chữ HUAWIE dưới góc lưng, khung viền bằng kim loại màu trắng, RAM 04GB, bộ nhớ 128GB, màn hình bị nứt kính ở góc phía trên từ phải qua trái, mặt lưng bị nứt và vỡ kính, có dán băng keo trong, đã qua sử dụng.

- 01 (một) túi vải màu đỏ, có quai đeo màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 (một) ví da màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 036.83.

- Tiền Việt Nam: 123.000 đồng; điện thoại di động hiệu POCO màu đen, số seri: 5af73bcb, model C40; 01 ví da màu đen (Thu của G); 01 giấy phép lái xe hạng D và 01 CCCD mang tên Trần Vũ Trường G.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền Việt Nam: 2.425.000 đồng; điện thoại di động hiệu HUAWIE Nova 3i; túi vải màu đỏ và 01 ví da màu đen. Qua điều tra xác định đây là các tài sản của chị Huỳnh Thị Hằng N1 nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N1.

- Đối với 123.000 đồng; điện thoại di động hiệu POCO; 01 ví da màu đen (của Giang); 01 giấy phép lái xe hạng D và 01 CCCD mang tên Trần Vũ Trường G. Qua điều tra xác định đây là tiền, tài sản và giấy tờ tùy thân của G, không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho G.

Riêng đối với xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 036.83. Qua điều tra xác định đây là xe do bà Lê Thị L2, sinh năm 1976, ĐKTT: Khu phố 1, thị trấn M,

huyện T, tỉnh Tiền Giang (dì ruột của G) làm chủ sở hữu. Chị L2 hoàn toàn không biết việc G sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L2.

*** Người bị hại:** *Chị Huỳnh Thị Hằng N1 vắng mặt có lời khai:* Vào khoảng 13 giờ ngày 05/5/2023 chị N1 đang ngồi gọt mía tại quán con Tường Vy thuộc ấp Mỹ Thuận, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang do chị làm chủ. Chị ngồi mặt hướng vào nhà lưng hướng ra đường tỉnh lộ 867 thì nghe tiếng chó sủa nên quay sang thì nhìn thấy G vừa rời quán. Đồng thời, có chị Huỳnh Thị N2 đang điều khiển xe chạy ngang qua thì nhìn thấy G từ trong quán cơm đi ra, trên tay cầm tài sản và lặn giấu trước bụng, nghi ngờ G trộm cắp tài sản nên chị N2 quay lại gặp chị. Chị N2 liền hô to “Cái giỏ chị đâu”, chị liền chạy lại túm cơm kiểm tra thì phát hiện mất 01 túi vải màu đỏ bên trong có số tiền 2.425.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu HUAWIE và 01 ví da màu đen nên chị truy hô và rượt đuổi theo G. Lúc này, có anh Trần Văn L4 và ông Đào Văn D2 vừa vào quán nghe tiếng truy hô nên cùng rượt đuổi theo G. Khi chạy được một đoạn về hướng cầu Tràm Mù thì G quay lại chạy về hướng đỗ xe, vừa chạy G vừa lấy tiền cất vào trong túi quần và vứt bỏ túi vải xuống đường. Sau đó, G bị mọi người khống chế và chị trình báo Công an xã Thạnh Mỹ.

Ngày 08/5/2023 chị N1 đã nhận lại số tiền 2.425.000 đồng. Đến ngày 18/5/2023 chị N1 nhận lại 01 điện thoại di động hiệu HUAWIE Nova 3i; 01 túi vải màu đỏ và 01 ví da màu đen nên chị không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đặng Thị D1 vắng mặt có lời khai: Xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 036.83, hiệu HAMCO, xe này do bà mua cũ tại cửa hàng Tân Tiến Thành địa chỉ tại: thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cách đây khoảng 08 năm, bà sử dụng được 02 năm thì bán lại cho cửa hàng Tân Tiến Thành. Hiện nay chiếc xe này vẫn chưa làm thủ tục sang tên, hiện bà vẫn còn đứng tên trên giấy đăng ký xe biển số 63B8 – 036.83. Hiện tại xe mô tô trên do ai sở hữu, quản lý, sử dụng và ở đâu thì bà không biết. Do xe bà đã bán nên bà không liên quan gì.

2. Chị Lê Thị L2 khai: Chị là dì ruột của bị cáo Trần Vũ Trường G. Xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 036.83, hiệu HAMCO là xe thuộc quyền sở hữu của chị, do chị có giao dịch dân sự với anh Trần Văn L3 nên anh L3 nhượng lại xe trên cho chị. Thời điểm giao dịch dân sự giữa chị và anh L3 chỉ nói miệng không có làm giấy tờ gì. Khi nhận xe chị không có nhận giấy tờ xe vì anh L3 nói giấy tờ xe đã bị mất.

Trước đó do bị cáo G không có phương tiện đi lại nên chị cho bị cáo G mượn xe nêu trên để đi lại. Việc bị cáo G điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số

63B8 – 036.83 đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì chị hoàn toàn không biết.

Ngày 23/5/2023 chị đã nhận lại xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 036.83. Chị L2 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

3. Anh Trần Văn L3 khai: Xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 036.83, hiệu HAMCO, xe này do anh mua cũ tại cửa hàng tại thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (do thời gian đã lâu nên anh không nhớ tên cửa hàng) vào khoảng năm 2016. Thời điểm mua xe anh có làm giấy tay với cửa hàng và có nhận giấy tờ xe do người phụ nữ đứng tên (do thời gian đã lâu nên anh không nhớ rõ họ tên). Tuy nhiên, giấy tay mua bán xe và giấy tờ xe anh đã làm mất, không tìm lại được nên anh không làm thủ tục sang tên. Anh sử dụng được 02 năm thì nhượng lại cho chị Lê Thị L2, thời điểm nhượng lại xe anh và chị L2 chỉ nói miệng không có làm giấy tờ gì. Hiện nay chiếc xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 036.83 vẫn thuộc quyền sở hữu của chị L2. Do xe mô tô trên anh đã nhượng lại cho chị L2 nên anh không liên quan gì, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*** Người làm chứng:**

Chị Huỳnh Thị N2; Anh Trần Văn L4 và ông Đào Văn D2 vắng mặt có lời khai: Vào khoảng 13 giờ ngày 05/5/2023 chị N2 đang điều khiển xe mô tô 02 bánh đi ngang qua quán cơm Tường Vy của chị Huỳnh Thị Hằng N1 làm chủ thì nhìn thấy bị cáo G từ trong quán cơm đi ra, trên tay cầm tài sản và lặn giấu trước bụng, nghi ngờ bị cáo Giang trộm cắp tài sản nên chị N2 quay lại gặp chị N1. Chị N2 liền hô to “Cái giỏ chị đâu”, chị N1 liền chạy lại tủ cơm kiểm tra thì phát hiện mất tài sản nên chị N1 truy hô và rượt đuổi theo G.

Lúc này, có anh Trần Văn L4 và ông Đào Văn D2 vừa vào quán cơm nghe tiếng truy hô nên cùng rượt đuổi theo G. Khi chạy được một đoạn về hướng cầu Tràm Mù thì bị cáo G quay lại chạy về hướng đỗ xe mô tô 02 bánh của bị cáo G gần quán cơm Tường Vy, vừa chạy bị cáo G vừa lấy tiền cất vào trong túi quần và vứt bỏ túi vải xuống đường. Khi bị cáo G định lên xe mô tô để tẩu thoát thì có một xe tải nghe tiếng truy hô “Trộm, trộm bắt nó lại” thì tài xế điều khiển xe tải ép chặn đầu xe mô tô 02 bánh của G nên G không điều khiển xe tẩu thoát được. Lúc này, anh L4 và ông D2 cùng một số người đi đường không chế được G và chị N1 trình báo Công an xã Thạnh Mỹ đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật. Tài sản mà G trộm của chị N1 thì chị N2, anh L4 và ông D2 thấy là 01 điện thoại di động; 01 túi vải màu đỏ và 01 ví da màu đen cùng với số tiền 2.425.000 đồng.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 22/QĐ-VKSTP ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước truy tố bị cáo Trần Vũ Trường G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Viện kiểm sát huyện Tân Phước phát biểu:

Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn đã nêu và phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định việc truy tố bị cáo như nội dung Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 22/QĐ-VKSTP ngày 25 tháng 5 năm 2023 là đúng người, đúng tội không có gì thay đổi. Đề nghị Tòa án xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 65, Điều 50, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Vũ Trường G phạm tội Trộm cắp tài sản và xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì.

+ Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền Việt Nam: 2.425.000 đồng; điện thoại di động hiệu HUAWIE Nova 3i; túi vải màu đỏ và 01 ví da màu đen. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Ni. Đối với số tiền 123.000 đồng; điện thoại di động hiệu POCO; 01 ví da màu đen (của Giang); 01 giấy phép lái xe hạng D và 01 CCCD mang tên Trần Vũ Trường G. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo G. Riêng đối với xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 036.83. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L2. Vật chứng đã xử lý xong.

- Bị cáo thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

- Bị hại vắng mặt có lời khai, về trách nhiệm dân sự: không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L2, anh L3 thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì. Về trách nhiệm dân sự: không yêu cầu bị cáo bồi thường; Về trách nhiệm hình sự: Yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy mình sai, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa: Bị hại chị Huỳnh Thị Hằng N1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị D1 và người làm chứng: Chị Huỳnh Thị N2; Ông Đào Văn D2; Anh Trần Văn L4 vắng mặt. Xét việc chị N1, bà D1, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự. Đồng thời chị N1, bà D1, chị N2, ông D2 và anh L4 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và có lời khai tại hồ sơ. Việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phước, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[3.1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Vũ Trường G đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình là vào lúc 13 giờ ngày 05/5/2023 tại ấp Mỹ Thuận, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang bị cáo Trần Vũ Trường G đã có hành vi trộm cắp của chị Huỳnh Thị Hằng N1. Trú tại: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang số tiền 2.425.000 đồng cùng với 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI Nova 3i; 01 túi vải màu đỏ và 01 ví da màu đen. Tại bản kết luận định giá tài sản số 467/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phước xác định giá trị còn lại của điện thoại di động, túi vải màu đỏ và ví da màu đen trên là 1.737.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà G đã chiếm đoạt là 4.162.000 đồng. Vì vậy, bị cáo Trần Vũ Trường G phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3.2] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Do đó đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Vũ Trường G phạm tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải

tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước truy tố đối với bị cáo là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại chị Huỳnh Thị Hằng N1. Nhằm mục đích muốn có tiền tiêu xài, phục vụ cho lợi ích cá nhân, ý thức lười lao động nhưng lại thích hưởng thụ bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác và trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, bị cáo G phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Vũ Trường G không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy: Bị cáo Trần Vũ Trường G thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và gây thiệt hại không lớn; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương), mẹ bị cáo đang bị bệnh nặng (có hồ sơ bệnh án); gia đình bị cáo có công với cách mạng: cha bị cáo là thương binh 4/4; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Với tình tiết nêu trên, Tòa án cân nhắc khi lượng hình để tuyên xử mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Xét bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, công việc tài xế xe buýt, có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành pháp luật tốt tại địa phương. Bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; Không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Việc không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại nơi giam giữ, cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội. Đồng thời, nhằm răn đe, phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về vật chứng của vụ án: Đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý xong, đúng quy định pháp luật nên không đặt ra xem xét.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản xong và không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Đối với chị Lê Thị L2 không biết bị cáo Trần Vũ Trường G sử dụng xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 036.83 do mình làm chủ sở hữu đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý chị Lan với vai trò đồng phạm là có căn cứ.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11]. Xét phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên, Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Vũ Trường G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự.

- Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt: Bị cáo Trần Vũ Trường G 01 năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trả tự do cho bị cáo Trần Vũ Trường G ngay tại phiên tòa.

Giao bị cáo Trần Vũ Trường G cho Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Trần Vũ Trường G thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách được thực hiện theo Điều 68, 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Vũ Trường G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo Trần Vũ Trường G; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị L2 và anh Trần Văn L3 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại chị Huỳnh Thị Hằng N1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị D1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Cơ quan điều tra CAH Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Nhà Tạm giữ Công an huyện Tân Phước;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Phước.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn